

Bản án số: 319/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19-11-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Luyện

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 262/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Sơn T, sinh năm 1998; ĐKTT: Tổ E, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số D đường F, T, Thụy Điển; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Hiền T1, sinh năm 2001; ĐKTT: Tổ V, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Tòa nhà số B Oceanaire S drv.brgy, San Rafael M, P, P1; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đã được hợp pháp hoá lãnh sự quán, nguyên đơn anh Nguyễn Sơn T trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Hiền T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/9/2022 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận K, thành phố Hải Phòng.

Quá trình chung sống vợ chồng bình thường được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh chị đã cố gắng hòa hợp để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không đạt kết quả. Từ năm 2022 đến nay, anh T sang Thụy Điển làm ăn và sinh sống, còn chị T1 sang Philippines làm việc. Từ đó đến nay, anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau, cuộc sống và kinh tế riêng biệt. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh đề nghị ly hôn với chị T1.

Về con chung: Anh T và chị T1 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị Hiền T1 thể hiện quan điểm tại bản tự khai: Năm 2022, chị và anh Nguyễn Sơn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/9/2002 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã cố gắng hòa hợp để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không đạt kết quả mà ngày càng trầm trọng. Từ cuối năm 2022 đến nay, chị T1 sang Philippines làm ăn và sinh sống, còn anh T sang Thụy Điển. Từ đó đến nay, anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị T1 và anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị T1 có gửi tài liệu thể hiện đồng ý ly hôn với anh T cho Tòa án nhưng không được hợp pháp hoá nên phía nguyên đơn đề nghị Tòa án giám định chữ ký: Theo Kết luận giám định số 3112/KL-KTHS ngày 15/10/2024 của Phòng K Công an thành phố H kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thị Hiền T1 tại mục “Người làm đơn” trên mẫu cần giám định là Bản tự khai ghi ngày 30/4/2024 của chị Phạm Thị Hiền T1 (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của người mang tên Phạm Thị Hiền T1 trên mẫu so sánh là Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 40/2022 của chị Phạm Thị Hiền T1 và anh Nguyễn Sơn T tại Ủy ban nhân dân phường L, quận K, thành phố Hải Phòng (ký hiệu M) là do cùng một người ký, viết ra.

Tại phiên tòa, anh T và chị T1 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của các đương sự.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Sơn T: Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Sơn T được ly hôn chị Phạm Thị Hiền T1. Về con chung: Anh Nguyễn Sơn T và chị Phạm Thị Hiền T1 không có con chung, không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Sơn T và chị Phạm Thị Hiền T1 không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Ngoài ra đề nghị giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm thụ lý vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Sơn T đăng ký thường trú tại Tổ E, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng, sinh sống và làm việc tại Thụy Điển và bị đơn chị Phạm Thị Hiền T1 đăng ký thường trú tại Tổ V, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng sinh sống và làm việc tại Philippines. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Sơn T và chị Phạm Thị Hiền T1 đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đều có uỷ quyền cho người thân nhận các văn bản tố tụng và bản án. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện anh Nguyễn Sơn T và chị Phạm Thị Hiền T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 15/9/2022 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận K, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Sơn T và chị Phạm Thị Hiền T1 hợp pháp theo khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, không thể đoàn tụ. Từ cuối năm 2022 đến nay, anh T sang Thụy Điển, chị T1 sang Philippines làm việc nên anh chị sống ly thân đến nay, anh chị đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Sơn T được ly hôn chị Phạm Thị Hiền T1.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Sơn T và chị Phạm Thị Hiền T1 không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Sơn T và chị Phạm Thị Hiền T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Sơn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Sơn T và chị Phạm Thị Hiền T1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Sơn T:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Sơn T được ly hôn chị Phạm Thị Hiền T1.

- Về con chung: Anh Nguyễn Sơn T và chị Phạm Thị Hiền T1 không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Sơn T và chị Phạm Thị Hiền T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Sơn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình

sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000694 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; anh Nguyễn Sơn T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn anh Nguyễn Sơn T và chị Phạm Thị Hiền T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Lãm Hà, quận Kiến An, Hải Phòng (ĐKKH ngày 15/9/2022);
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà

